

ISSN 0868-3808 TRUNG TÂM KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Kinh tế
Châu Á - Thái Bình Dương

ISSN 0868-3808

Asia-Pacific Economic Review

The Bilingual Magazine of Vietnam Asia-Pacific Economic Center

Asia-Pacific Economic Review

Số tháng 11 năm 2025

**KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG: VIỆT NAM CÙNG APEC HƯỚNG TỚI
THỊNH VƯỢNG CHUNG**

**BUILDING A SUSTAINABLE FUTURE:
VIETNAM AND APEC TOWARDS SHARED PROSPERITY**

www.ktcatbd.com.vn



VIỆT NAM - ĐỐI TÁC NĂNG ĐỘNG, KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG
VIETNAM - DYNAMIC PARTNER, CREATING A SUSTAINABLE

HEAD OFFICE

176 Thai Ha, Dong Da, Ha Noi

Email: Ktcatbd@gmail.com

Editor-in-Chief

Assoc. Prof. Dr. Bui Quang Tuan

Chairman of the Council

Assoc. Prof. Dr. Bui Quang Tuan

Council Advisor

Assoc. Prof. Dr. Vo Dai Luoc

Council Member

Assoc. Prof. Dr. Vu Van Ha

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Trong Xuan

Assoc. Prof. Dr. Truong Thi Nam Thang

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Huy Dung

Dr. Dang Hoang Ha

Dr. Nghiem Tuan Hung

Dr. Nguyen Cao Duc

Dr. Nguyen Ngoc Manh

Dr. Nguyen Thi Mo

Dr. Le Ba Tam

Dr. Nguyen Van Tam

Dr. Vo Hai Thanh

Dr. Dao Viet Hung

Managing Editor

Nguyen Thi Thanh Thuy

Phone: 0915947026

Email: thanhthuyktcatbd@gmail.com

Designer

Kieu Linh

Licence:

No.274/GP-BTTTT;

No.414/GP-BTTTT

Printed at 123 Ha Noi

Printing Services and Trading Co., Ltd

APEC 2025: VIỆT NAM - ĐỐI TÁC NĂNG ĐỘNG, KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG

APEC 2025: VIETNAM - A DYNAMIC PARTNER, CREATING A SUSTAINABLE FUTURE

Kiến tạo tương lai bền vững: Việt Nam cùng APEC hướng tới thịnh vượng chung 04

Building a sustainable future: Vietnam and APEC towards shared prosperity 06

Hội nhập Quốc tế và định vị Việt Nam trong không gian APEC 08

International integration and Vietnam's positioning in APEC space 09

Quảng Ngãi - Thời cơ mới để phát triển toàn diện và trở thành 10

cực tăng trưởng khu vực miền Trung - Tây Nguyên

Quang Ngai - New opportunity for comprehensive development 14

and becoming a growth pole in the Central Highlands region

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Ứng dụng công nghệ Fintech trong công tác kế toán tại doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam 18

Giao tiếp liên văn hoá trong hoạt động thương mại biên giới: Nghiên 22

cứu tại cửa khẩu Lào Cai, Việt Nam và Hà Khẩu, Trung Quốc

Tăng trưởng xanh tại khu kinh tế ven biển Hưng Yên: Thực trạng 26

và định hướng phát triển bền vững

Thực thi chính sách hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tại tỉnh Hà 29

Tĩnh: Thực trạng và giải pháp

Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập 33

doanh nghiệp: Tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước

Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc quảng bá sản phẩm 35

thời trang thông qua KOL/KOC

Kế toán bền vững và ESG: Động lực nâng cao trách nhiệm xã hội 39

của doanh nghiệp

Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống đánh giá thực hiện công 43

việc của người lao động tại công ty cổ phần dịch vụ hàng không

toàn cầu

Vai trò của an toàn bảo mật trong việc triển khai thành công hệ 47

hoạch định nguồn lực doanh nghiệp trên đám mây

Phát triển ngành cà phê khu vực Đắk Nông (giai đoạn trước sáp 51

nhập) trong bối cảnh EUDR: Thách thức, cơ hội và định hướng

chuyển đổi bền vững

Thực trạng chất lượng nguồn lực lao động ở xã Xín Mần, huyện 55

Xín Mần, tỉnh Hà Giang

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngân hàng: Nghiên cứu 59

trường hợp tại ngân hàng quốc tế - Chi nhánh Thái Nguyên

Cơ hội và thách thức của nghề Kiểm toán tại Việt Nam trong bối 63

cảnh chuyển đổi số

Một số giải pháp phát triển bancassurance đối với bảo hiểm phi 66

nhân thọ ở Việt Nam

Quan điểm của cha mẹ về sử dụng thiết bị số ở vị thành niên 69

Nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại 73

và Dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT

Nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT

Hoàng Thị Thủy* - Khoa Kinh Tế - QTKD, Đại học Mỏ - Địa chất
Phạm Văn Nam - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT
Vũ Thị Như Quỳnh - Khoa Kinh Tế - QTKD, Đại học Mỏ - Địa chất
 EMAIL *: thuyhung.hoang@gmail.com

Tóm tắt:

Bài nghiên cứu dựa trên cơ sở thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT trong bối cảnh kinh tế hiện nay, tiến hành phân tích chỉ ra kết quả đạt được và hạn chế của công ty trong giai đoạn năm 2020 - 2024. Từ đó đề xuất các kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong tương lai.

Từ khóa: Hiệu quả kinh doanh, Hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kinh tế ngày càng áp lực và cạnh tranh càng cao của Thế giới và tại Việt Nam hiện nay, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp là một trong những mục tiêu quan trọng cần thực hiện của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc ngành kiểm tra không phá hủy. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh khi thực hiện cung cấp các dịch vụ, dự án trong các lĩnh vực dầu khí, đóng tàu, năng lượng tái tạo và hạ tầng công nghiệp nặng... nên doanh nghiệp cần đảm bảo về tiến độ, cập nhật theo những tiêu chuẩn mới, theo xu hướng của quốc tế, chất lượng cao... Do đó doanh nghiệp cần duy trì thị phần và uy tín góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thuộc ngành kiểm tra không phá hủy càng quan trọng.

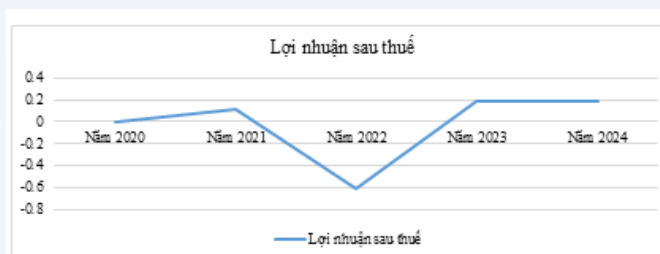
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT là một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy tại khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu, nơi tập trung nhiều dự án dầu khí và cảng biển trọng điểm. Sau giai đoạn phát triển nhanh từ năm 2020 đến 2024, công ty đã đạt được những kết quả nhất định về doanh thu và mở rộng khách hàng, tuy nhiên công ty có nhiều thách thức: Chi phí vận hành tăng, biến động nhân sự kỹ thuật cao, yêu cầu của khách hàng về chất lượng, thời gian ngày càng khắt khe. Công ty cần xây dựng giải pháp quản trị phù hợp để giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của thị trường và đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững trong những năm tới từ đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh trong tương lai. Do đó bài nghiên cứu thực hiện làm rõ tình hình kết quả kinh doanh của

công ty trong giai đoạn năm 2020 – 2024, từ đó là cơ sở đề xuất các kiến nghị giúp công ty nâng cao hiệu quả kinh doanh trong tương lai.

2. Thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty

2.1 Đánh giá khái quát hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2020 – 2024

Trong giai đoạn năm 2020 – 2024 lợi nhuận của công ty biến động không đều đặc biệt năm 2022 sụt giảm, nhưng năm 2024 lợi nhuận của Công ty tăng lên mức 0,193. Trong giai đoạn năm 2020 – 2024, lợi nhuận biến động lớn đã phản ánh hoạt động kinh doanh của Công ty không ổn định và còn nhiều bất cập.



Hình 1: Biểu đồ lợi nhuận sau thuế của công ty giai đoạn năm 2020 – 2024

Mặc dù lợi nhuận năm 2024 tăng so với năm 2020 tuy nhiên so với năm 2023 thì lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2024 biến động ít, nguyên nhân do sự ảnh hưởng của chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp năm 2024 tăng cao hơn so với năm 2023 vì vậy, yêu cầu đặt ra là công ty cần kiểm soát và thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí phát sinh phù hợp với tình hình thực tế kinh

doanh của doanh nghiệp, góp phần làm tăng lợi nhuận của công ty.

Bên cạnh đó, theo số liệu bảng 1 cho thấy, tổng tài sản của Công ty trong giai đoạn 2020–2024 có xu hướng tăng liên tục qua các năm, phản ánh quá trình mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh và đầu tư cho hoạt động kỹ thuật. Cụ thể, tổng tài sản cuối năm 2020 đạt 2,442 tỷ đồng, đến năm 2024 tăng lên 13,6 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 47%/năm, cho thấy quy mô hoạt động của doanh nghiệp được mở rộng nhanh, đặc biệt trong hai năm 2023–2024, gắn liền với việc đầu tư thiết bị mới và triển khai các dự án NDT ngoài khơi.

Về cơ cấu tài sản, giai đoạn năm 2020 - 2024 xu hướng biến động thể hiện sự chuyển dịch dần từ cơ cấu ngắn hạn sang đầu tư dài hạn. Năm 2024, tỷ trọng TSNH giảm còn 55,11%, trong khi TSDH tăng lên đạt 44,89%. Sự thay đổi này phản ánh việc Công ty đã chú trọng đầu tư nhiều hơn cho cơ sở vật chất, máy móc, và hệ thống thiết bị kiểm định NDT hiện trường, cũng như nâng cấp phòng thí nghiệm, trung tâm đào tạo nội bộ và hạ tầng kỹ thuật. Đây là dấu hiệu tích cực, bởi việc gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn giúp công ty củng cố năng lực kỹ thuật, tạo điều kiện mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như PAUT, TOFD... Việc cơ cấu lại danh mục tài sản theo hướng tăng đầu tư cho tài sản cố định là phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp kỹ thuật – dịch vụ NDT, vốn cần năng lực thiết bị và nhân lực kỹ thuật cao để duy trì lợi thế cạnh tranh.

Xét về cơ cấu nguồn vốn bao gồm nợ phải trả (NPT) chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng nhanh qua các năm. Năm 2020, nợ phải trả chiếm 76% tổng nguồn vốn, sự gia tăng của nợ phải trả giai đoạn 2021–2023 (đặc biệt năm 2023 tăng lên 7,176 tỷ đồng) chủ yếu do Công ty mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư thiết bị mới và tăng chi phí trả chậm cho nhà cung cấp thiết bị NDT quốc tế. Tuy nhiên, mức độ nợ cao cũng phản ánh rủi ro tài chính nhất định, đòi hỏi công ty cần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và quản lý công nợ chặt chẽ hơn để đảm bảo tính bền vững tài chính dài hạn. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu tuy thấp, năm 2024 giảm so với giai đoạn năm 2022 – 2023, phản ánh khả năng tự chủ về tài chính của công ty đang giảm dần.

Quy mô tài sản và nguồn vốn của công ty trong giai đoạn 2020–2024 tăng trưởng mạnh, phản ánh tiềm lực tài chính ngày càng vững vàng. Cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng đầu tư dài hạn, củng cố nền tảng kỹ thuật và năng lực sản xuất, phù hợp với định hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, tỷ trọng nợ phải

trả vẫn ở mức cao (trên 60%), cho thấy công ty cần tiếp tục kiểm soát chi phí tài chính, tăng vốn chủ sở hữu và tối ưu vòng quay vốn lưu động để giảm phụ thuộc vào nguồn vay ngắn hạn.

Bảng 1: Tình hình tài sản và nguồn vốn giai đoạn năm 2020 – 2024

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Cuối năm 2020		Cuối năm 2021		Cuối năm 2022		Cuối năm 2023		Cuối năm 2024	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1. TSNH	2,074	86	6,781	82	3,424	55	7,787	66	7,512	55
2. TSDH	0,348	14	1,484	18	2,786	45	4,028	34	6,118	45
Tổng cộng	2,422	100	8,265	100	6,210	100	11,815	100	13,630	100
3. NPT	1,835	76	3,500	42	1,696	27	7,176	61	9,458	69
4. VCSH	0,587	24	4,765	58	4,514	73	4,639	39	4,172	31

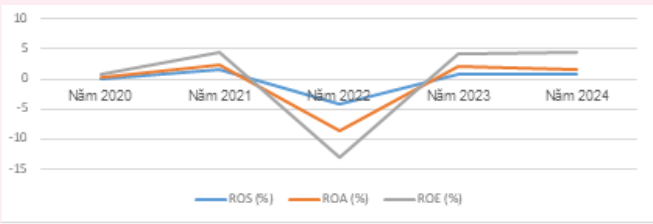
2.2 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh tổng hợp

Giai đoạn 2020–2024 cho thấy mức sinh lợi trên doanh thu (ROS), trên tổng tài sản (ROA) và trên vốn chủ sở hữu (ROE) biến động theo hai nhịp rõ ràng. Từ 2020 đến 2021, ROS tăng từ 0,11% năm 2020 lên 1,58% vào năm 2021, ROA từ 0,24% năm 2020 lên 2,25% năm 2021, còn ROE từ 0,68% năm 2020 lên 4,34% năm 2021. Nguyên nhân do doanh thu tăng, lợi nhuận của công ty tăng trong khi tài sản và vốn chủ sở hữu biến động thấp nên các chỉ số liên quan tỷ suất lợi nhuận ROA, ROS, ROE đều có xu hướng tăng lên trong giai đoạn năm 2020 – 2021.

Năm 2022 lợi nhuận sau thuế âm (–0,606 tỷ đồng) nên hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn kinh doanh của doanh nghiệp năm 2022 giảm so với năm 2021 và năm 2020. Năm 2023, lợi nhuận sau thuế tăng, giúp ROS đạt 0,75%, ROA 2,11% và ROE 4,07%. Bước sang 2024, mặc dù lợi nhuận sau thuế tăng lên, đạt 0,193 tỷ đồng, tổng tài sản bình quân tăng mạnh (lên khoảng 12,75 tỷ đồng) để đáp ứng quy mô dự án, mức tăng của tổng tài sản cao hơn mức tăng của lợi nhuận do đó ROA giảm còn 1,51% , tuy nhiên vốn chủ sở hữu có biến động nhẹ do đó ROE tăng nhẹ lên 4,49%. Điều đó cho thấy năm 2024 công ty sử dụng vốn chủ sở hữu hiệu quả hơn so với năm 2023

Hiệu quả kinh doanh tổng hợp của Công ty giai đoạn 2020–2023 có xu hướng tăng lên trong cả giai đoạn, chỉ sụt giảm vào năm 2022. Các chỉ tiêu ROS, ROE, ROA năm 2023 có sự phục hồi, tuy nhiên mức lợi nhuận vẫn chưa đạt kỳ vọng, hiệu quả kinh doanh còn rất thấp

so với tiêu chuẩn ngành, cần được cải thiện rõ rệt trong các năm tiếp theo.



Hình 2: Biểu đồ các chỉ tiêu tổng hợp phản ánh hiệu quả kinh doanh tổng hợp

2.3 Hiệu suất sử dụng tài sản của công ty

Từ số liệu bảng 2 cho thấy, hiệu suất sử dụng tài sản (HSSD TS) của Công ty biến động không đều trong giai đoạn năm 2020 - 2024. Cụ thể, hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty giảm từ 2,07 đ/đ năm 2020 xuống 1,37 đ/đ năm 2021, sau đó tăng mạnh lên 2,7 đ/đ năm 2023, rồi giảm nhẹ còn 1,89 đ/đ năm 2024.

Bảng 2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản giai đoạn năm 2020 - 2024															
TT	Chi tiêu	ĐVT	Năm					2021/2020		2022/2021		2023/2022		2024/2023	
			2020	2021	2022	2023	2024	±	%	±	%	±	%	±	%
4	HSSD TS	đ/đ	2,07	1,37	2,01	2,73	1,89	-	-	0,64	46,81	0,72	35,63	0,84	30,83
6	HSSD TSCĐ	đ/đ	9,05	9,88	10,34	16,92	12,79	0,83	9,15	0,46	4,68	6,58	63,57	4,13	24,42

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty nhìn chung có xu hướng tăng dần trong giai đoạn 2020–2024, cụ thể tăng từ 9,05 đ/đ năm 2020 lên 16,92 đ/đ năm 2023, rồi giảm xuống còn 12,79 đ/đ năm 2024. Năm 2023, mỗi đồng TSCĐ bình quân đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh đã mang lại cho Công ty 16,92 đồng doanh thu, tuy nhiên, đến năm 2024 giảm còn 12,79 đ/đ, chủ yếu do mức đầu tư mới vào tài sản cố định tăng nhanh hơn doanh thu, khiến hiệu suất sử dụng TSCĐ giảm nhẹ.

2.4 Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty

Qua số liệu trên bảng 3, số vòng quay của toàn bộ vốn của Công ty biến động không ổn định trong giai đoạn 2020–2024. Số vòng quay của vốn kinh doanh tăng từ 2,07 vòng/năm năm 2020 lên đến 2,73 vòng/năm năm 2023. Tuy nhiên, đến năm 2024, giảm xuống còn 1,89 vòng/năm, tương ứng giảm 0,84 vòng so với năm 2023. Ngược lại với chỉ tiêu trên, số ngày một vòng quay vốn kinh doanh của Công ty giảm dần trong các năm đầu và tăng nhẹ vào năm cuối của giai đoạn 2020–2024. Cụ

thể: Năm 2020, chỉ tiêu này là 174 ngày/vòng, nghĩa là để vốn kinh doanh quay được một vòng trong năm 2020, Công ty phải mất 174 ngày, đến năm 2024 tăng lên đạt 191 ngày/vòng, tăng 59 ngày (tương ứng tăng 45%) so với năm 2023 cho thấy tốc độ luân chuyển vốn kinh doanh năm 2024 kém hơn so với năm 2023.

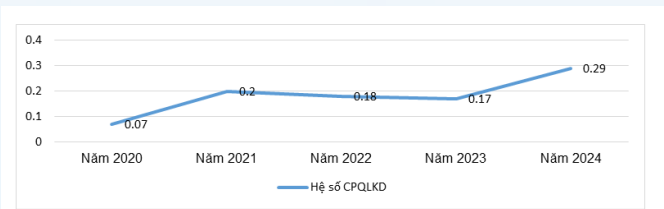
Bảng 3: Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty giai đoạn 2020 - 2024

ST T	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số vòng quay VKD	vòng/năm	2,07	1,37	2,01	2,73	1,89
2	Số ngày một vòng quay VKD	ngày/vòng	174	262	179	132	191
3	Sức sinh lời của VKD	%	0,20	2,15	-8,37	2,04	1,52

Sức sinh lời của vốn kinh doanh năm 2020 đạt 0,20%, Năm 2021 tăng lên 2,15%, Năm 2022 giảm mạnh, năm 2023 tăng trở lại lên 2,04%, Sức sinh lời của vốn kinh doanh của Công ty giảm rất mạnh so với năm 2021, cho thấy Công ty sử dụng vốn kém hiệu quả, trong thời gian tới công ty cần thực hiện các biện pháp mạnh mẽ, triệt để hơn nữa nhằm sử dụng hợp lý tài sản và hướng tới mục tiêu nâng cao lợi nhuận.

2.5 Công tác quản lý chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2024, hệ số chi phí quản lý kinh doanh tăng 0,29, đây là dấu hiệu của việc mở rộng quy mô, đầu tư vào quản lý. Trong giai đoạn năm 2020 – 2024, Công ty đã từng bước cải thiện sự phát sinh của chi phí quản lý kinh tuy nhiên, mức cải thiện này vẫn còn hạn chế, phản ánh áp lực chi phí hoạt động, chi phí nhân sự và đầu tư thiết bị kỹ thuật tăng cao trong khi hiệu suất doanh thu chưa tương xứng...



Hình 2: Biểu đồ hệ số chi phí quản lý kinh doanh Công ty giai đoạn 2020 - 2024

2.6 Hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực

- Hoạt động tuyển dụng: Giai đoạn 2020–2024, công ty đã tiến hành tuyển dụng tổng cộng 52 nhân sự mới, trong đó 80% thuộc nhóm kỹ thuật viên NDT và 20% thuộc các bộ phận hỗ trợ như ISO, QA/QC và điều phối.

- Hoạt động đào tạo và phát triển năng lực: Do đặc thù ngành nghề kinh doanh nên công ty đặc biệt chú trọng đầu tư đào tạo nội bộ nhằm duy trì chuẩn quốc tế về tay nghề. Trung bình mỗi năm, công ty tổ chức từ 4–6 khóa đào tạo nội bộ và liên kết quốc tế, tổng chi phí đào tạo giai đoạn 2020–2024 đạt gần 3 tỷ đồng. Tỷ lệ kỹ thuật viên có chứng chỉ Level 2 và nhân sự có chứng chỉ quốc tế (ISO, PCN, ASNT) tăng gấp 1,6 lần trong cùng kỳ.

- Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng dựa trên nguyên tắc trả lương theo năng lực, chứng chỉ và hiệu quả công việc, đồng thời đảm bảo tính cạnh tranh trong ngành kỹ thuật kiểm tra không phá hủy (NDT).

- Hiệu quả sử dụng lao động: Trong giai đoạn 2020–2024, hiệu quả sử dụng lao động của Công ty được cải thiện rõ rệt, tổng số nhân sự của công ty tăng từ 80 người năm 2020 lên 110 người năm 2024, tương ứng mức tăng 37,5%, trong khi doanh thu tăng gần 7,6 lần, từ 3,16 tỷ đồng lên 24,04 tỷ đồng. Tốc độ tăng doanh thu cao gấp đôi tốc độ tăng nhân sự, phản ánh hiệu quả sử dụng lao động tốt hơn so với các năm trước đây.

Như vậy trong giai đoạn năm 2023 – 2024 công ty đầu tư vào chất lượng nhân sự, kiểm soát chi phí và tập trung vào dịch vụ kỹ thuật giá trị cao đã giúp công ty nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, góp phần đảm bảo tăng trưởng bền vững và lợi thế cạnh tranh lâu dài trong ngành.

3. Đánh giá kết quả và hạn chế

Trong giai đoạn năm 2020- 2024 với sự nỗ lực của đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ công nhân viên của Công ty trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả SXKD, công ty đã đạt kết quả đáng khích lệ bao gồm:

Công ty đã chuyển từ cơ cấu nhiều hợp đồng nhỏ lẻ sang mô hình do các dự án quy mô lớn dẫn dắt. Sự dịch chuyển này tạo ra nhịp khối lượng đều theo mốc, giúp công ty được các khách hàng biết đến nhiều hơn, góp phần nâng cao doanh thu đạt được trong tương lai.

Chất lượng kỹ thuật và trải nghiệm khách hàng tiến bộ rõ rệt. Tỷ lệ nghiệm thu đạt tăng lên, tỷ lệ làm lại giảm, và hồ sơ bị trả về ít hơn nhờ áp dụng danh mục kiểm soát trước phát hành và cơ chế soát xét độc lập.

Kết quả kinh doanh phản ánh trong cả giai đoạn nhìn chung có xu hướng biến động không đồng đều nhưng so với năm 2020 thì công ty sử dụng vốn và đạt kết quả cao hơn so với năm 2020.

Bên cạnh những kết quả đạt được ở trên, công ty còn một số hạn chế bao gồm: Mức độ tập trung khách hàng cao là rủi ro đáng chú ý: khối lượng công việc năm 2025 phụ thuộc lớn vào một chủ đầu tư và hai dự án trọng điểm, khiến quyền lực thương lượng nghiêng về phía

khách hàng. Các điều khoản giữ lại, giãn tiến độ thanh toán hoặc cắt giảm phụ phí dẫn đến vòng quay khoản phải thu kéo dài và chi phí tài chính gia tăng.

Về nguồn lực, năng lực đa kỹ năng giữa các đội kỹ thuật chưa đồng đều, nên vẫn xuất hiện những ca thi công lệch kỹ năng phải bù bằng thuê ngoài, làm mỏng biên lợi nhuận và giảm tính chủ động trong vận hành. Các dịch vụ có biên lợi nhuận cao như hiệu chuẩn, tư vấn, hay cho thuê thiết bị vẫn chưa được khai thác tương xứng với năng lực hiện có.

Về hệ thống quản trị, dữ liệu hoạt động theo dự án/kỹ thuật chưa được tích hợp và chuẩn hóa hoàn toàn. Một số chỉ tiêu vẫn phải ước tính thủ công, làm suy giảm độ chính xác trong định giá, thương lượng hợp đồng và phân tích hiệu suất.

Công ty đều có lãi nhưng lợi nhuận sau thuế không ổn định, tăng giảm với biên độ dao động đã thể hiện việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty còn nhiều hạn chế, bất cập.

4. Kiến nghị

- Công ty cần mở rộng công tác truyền thông quảng bá để nhiều khách hàng biết đến, bên cạnh đó công ty cần phân loại loại khách hàng theo các tiêu thức như doanh thu, lịch sử hợp tác, lịch sử thanh toán và mức độ rủi ro công nợ để phân nhóm, đồng thời gắn với từng nhóm là hạn mức tín dụng, thời hạn thanh toán và yêu cầu bảo lãnh/bảo đảm phù hợp.

- Xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán sớm khác nhau cho từng nhóm khách hàng để tăng cường công tác thu hồi vốn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty.

- Phát triển năng lực kỹ thuật và đa kỹ năng thông qua hoạt động xây dựng lộ trình nghề nghiệp kỹ thuật cho người lao động trong công ty, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng theo phương thức đào tạo đa kỹ năng, xây dựng cơ chế đãi ngộ dựa trên năng suất nghiệm thu đạt được của công ty.

5 Danh mục tài liệu tham khảo

- [1] Báo cáo tài chính của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT năm 2024
- [2] Báo cáo tài chính của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT năm 2023
- [3] Báo cáo tài chính của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT năm 2022
- [4] Báo cáo tài chính của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT năm 2021.
- [5] Báo cáo tài chính của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT năm 2020.
- [6] [1] Báo cáo nhân sự của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kỹ thuật HANA NDT năm 2020 – 2024.